



CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ  
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU  
(CAMIMEX)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2012



# Mục Lục

## 1. Thư ngỏ của chủ tịch hội đồng quản trị

## 2. Giới thiệu

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý
- Định hướng phát triển của Công ty

## 3. Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## 4. Báo cáo và đánh giá của ban tổng giám đốc

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 (Đã qua kiểm toán)
- Những tiến độ công ty đạt được
- Kế hoạch phát triển kinh doanh

## 5. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
- Về hoạt động của ban giám đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị

## 6. Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, ban giám đốc và ban kiểm soát

## 7. Báo cáo tài chính năm 2012

HNK

## THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa quý cổ đông!**

Năm 2012, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động, kinh tế Mỹ - một trong những nền kinh tế có ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau cuộc khủng hoảng tài chính. Bên cạnh đó khủng hoảng nợ công ở châu Âu và nguy cơ tan rã của khối liên minh này - cùng với xung đột căng thẳng của các nước đồng Phi, trung Đông cũng góp phần hạn chế tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Kinh tế trong nước trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn và thách thức: Lạm phát và lãi suất tăng cao, cùng với việc chính phủ duy trì chính sách thắt chặt tín dụng làm cho hầu hết các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngành thủy sản đã đạt được kế hoạch xuất khẩu 6.134,328 triệu USD, so với 2011 tăng 0,3%, trong đó mặt hàng tôm các loại đạt 2.237,435 triệu USD, so với 2011 giảm 6,6% (nguồn Vasep) vì người tiêu dùng ở các nước nhập khẩu thắt chặt chi tiêu do kinh tế khó khăn, các nước nhập khẩu tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh đối với hàng thủy sản Việt Nam, đặc biệt tình trạng thiếu hụt nguồn tiền mua tôm nguyên liệu, dẫn đến lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất giảm, doanh nghiệp chế biến thủy sản không đạt sản lượng hòa vốn, giá thành sản xuất tăng cao làm giảm sức cạnh tranh của con tôm Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới.

Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, nhưng bằng sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên. Công ty đã sản xuất được 4.202 tấn tôm thành phẩm, trực tiếp xuất khẩu ra thị trường thế giới 3.926 tấn, đạt KNXK 47,048 triệu USD, ngoài ra còn tiêu thụ nội địa 276 đạt giá trị 54 tỷ VND.

Năm 2013 được dự báo là năm tiếp tục còn nhiều khó khăn cho ngành thủy sản Việt Nam nói chung và lĩnh vực nuôi trồng chế biến các sản phẩm tôm xuất khẩu nói riêng. Vẫn còn đó những thách thức về thiếu vốn thu mua nguyên liệu đưa vào sản xuất, rào cản kỹ thuật về chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn còn đó ... Ngoài ra, lãi suất ngân hàng vẫn còn khá cao đang trở thành nỗi lo thường trực đối với các doanh nghiệp thủy sản hiện nay.

Dù còn nhiều khó khăn, nhưng Camimex nhận thấy vẫn còn nhiều cơ hội đổi mới xuất khẩu thủy sản Việt Nam, vì nhu cầu tiêu thụ sản phẩm Tôm trên thế giới vẫn còn rất cao.

Với lợi thế là một trong những Công ty sản xuất và chế biến tôm có truyền thống và có thương hiệu trên thế giới, đội ngũ công nhân lao động lành nghề, Công ty Camimex có khả năng cạnh tranh vượt trội với các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm trong nước và ngoài nước.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với Công ty Camimex trong suốt thời gian qua.

Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Camimex sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững và phấn đấu để trở lại thành một trong những công ty chế biến thủy sản hàng đầu của Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào!



Chủ tịch hội đồng quản trị

Bùi Sĩ Tuấn

**I/ Thông tin chung:**

## 1. Thông tin khái quát.

- Tên gọi công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU.
- Tên giao dịch : CA MAU FROZEN SEAFOOD PROCESSING IMPORT EXPORT CORPORATION.
- Tên viết tắt : CAMIMEX.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2000103908 ( số cũ là 6103000065) do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012, mã số thuế : 2000103908
- Vốn điều lệ : 132,212,340,000 VND ( Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn ).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.212.340.000VND ( Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn ).
- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0780) 3831608 - Fax : (0780) 3832297
- E-mail : camimex@camimex.com.vn
- Website : www.camimex.com.vn
- Mã cổ phiếu( nếu có): CMX

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Cà Mau (CAMIMEX) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân tinh Minh Hải trước đây, thành lập vào ngày 23/09/1977 với tên gọi ban đầu là “Nhà máy chế biến tôm đông lạnh Cà Mau”.

- Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX) và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản là tôm, cá, mực ...

- Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công Ty Chế Biến Thủy Sản & XNK Cà Mau thành “Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản & XNK Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), công ty tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu.

Ngày 13/07/2010, hồ sơ niêm yết của công ty đã được công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long tiếp nhận. Ngày 02/11/2010 tên công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và chính thức giao dịch vào ngày 09/11/2010.

Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV.HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội Đồng Thành Viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), ngày 20/11/2011 Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Và Xuất Nhập Khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

## Các sự kiện khác:

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 88.815.000.000 VND.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 VND lên 93.016.160.000 VND.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 VND lên 114.967.970.000 VND.

- Đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 VND lên 132.212.340.000 VND.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần.

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>8.338.622</b>	<b>83.386.220.000</b>	<b>63,07</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn			
Thương tín	1.068.197	10.681.970.000	8,08
Công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỷ	2.542.248	25.422.480.000	19,23
Nguyễn An Ninh	1.555.061	15.550.610.000	11,76
Vũ Ngọc Lẽ	1.850.916	18.509.160.000	14,00
Lê Thị Minh Hiền	1.322.200	13.222.000.000	10,00
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>4.882.612</b>	<b>48.826.120.000</b>	<b>36,93</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.221.234</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>100,00</b>

#### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	ấp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần LNT Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

#### 3/Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Thu mua tôm nguyên liệu
- + Sản xuất chế biến thủy sản các loại.
- + Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm.
- + Nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất (Trừ các loại hóa chất độc hại)
- + Nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

- Địa bàn kinh doanh:

#### Trụ sở chính:

Địa chỉ : Số 333, Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

5

Điện thoại : (84-780) 3.831.608  
Fax : (84-780) 3.832.297  
E\_mail : camimex@camimex.com.vn  
Website : www.camimexseafood.com.vn  
Mã số thuế : 2000103908

## Các địa điểm kinh doanh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
2. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
3. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

## Công ty con:

- Tên công ty : Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang
- Địa chỉ: Khu đê bao Đồng Hòa, ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Bên cạnh đó, Công ty đã thành lập Công ty con tại Hoa Kỳ theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 195/BKH-ĐTRNN ngày 07 tháng 11 năm 2008 do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

- Tên công ty : Công ty cổ phần thực phẩm CMX (CMX Foods, INC)
- Địa chỉ: Huntington Beach, 360 East Second Street, suite 703 Los Angeles, California 90012, USA
- Vốn đầu tư: USD 850,000 # 14.195.000.000 VND.

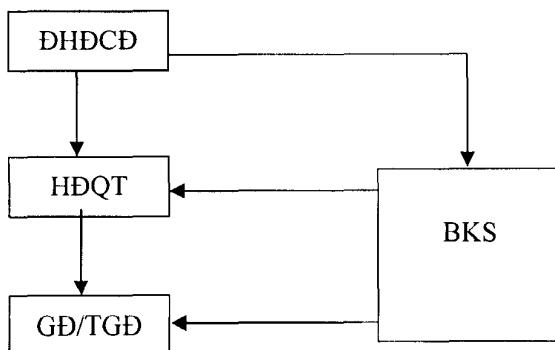
Hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của công ty:

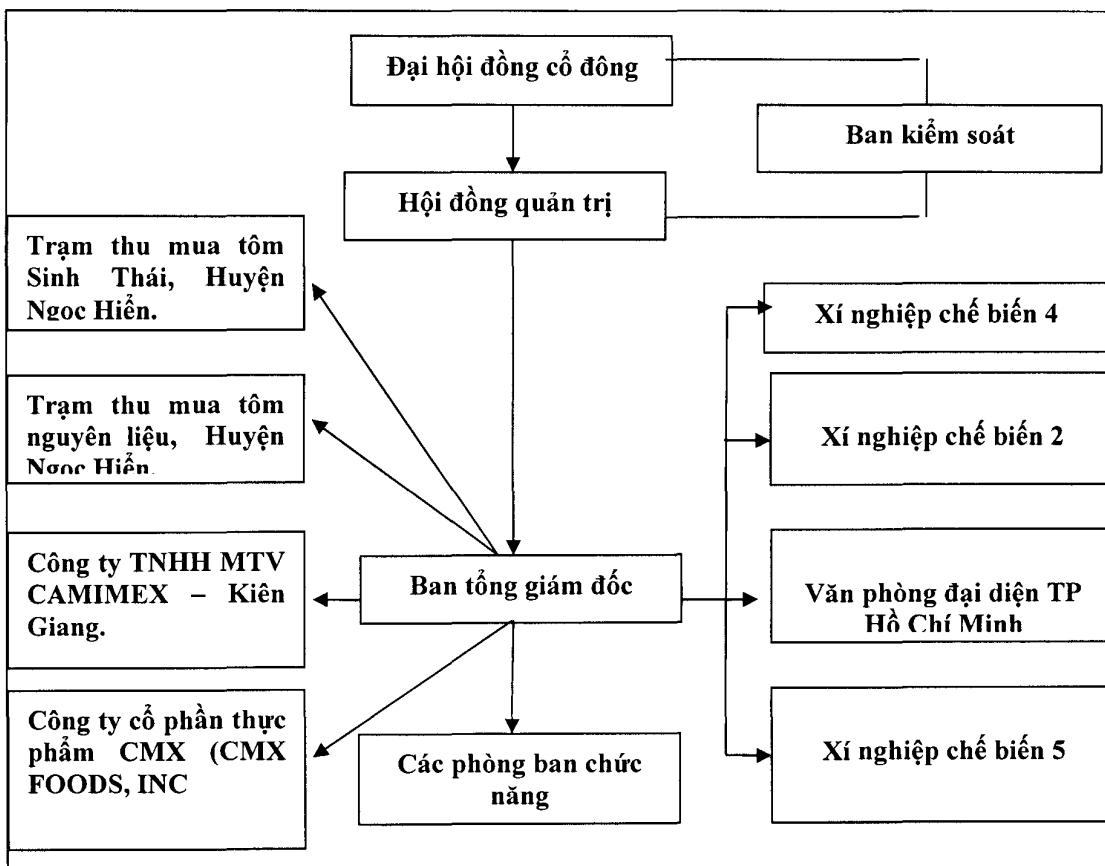
Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 16/2012/BBH ĐQT-CMX ngày 12 tháng 04 năm 2012 của công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau, Hội đồng Quản trị đã thống nhất giải thể công ty cổ phần thực phẩm CMX tại Hoa Kỳ kể từ ngày 12 tháng 04 năm 2012.

4/ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



## 5. Định hướng phát triển của Công ty.

### - Các mục tiêu chủ yếu:

Năm 2013, Công ty chỉ tập trung vào ngành nghề sản xuất chính của mình đó là:

+ Sản xuất chế biến tôm xuất khẩu.

+ Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Camimex thành thương hiệu mạnh.

+ Tiếp tục triển khai mở rộng sản xuất mặt hàng tôm sinh thái vì đây là thế mạnh của công ty.,

+ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.

### - Chiến lược phát triển trung và dài hạn là:

+ Đầu tư mở rộng và nâng cấp các nhà máy sản xuất chế biến mặt hàng giá trị cao tại Cà Mau và đầu tư vùng nuôi tôm công nghiệp tại tỉnh Kiên Giang để chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

+ Công ty đầu tư bồi sung và nâng cấp trại giống nuôi tôm Sinh Thái tại Huyện Năm Căn.

+ Đầu tư mạnh vào khoa học công nghệ để nghiên cứu gia hóa và chọn dòng tôm sú bồ mè cũng như tôm thẻ chân trắng bồ mè để tạo ra được những giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng có những đặc tính di truyền tốt như: lớn nhanh, chống được các dịch bệnh đồng thời thích ứng được sự biến đổi của khí hậu và thời tiết, phù hợp với môi trường địa phương.

+ Nghiên cứu và xây dựng được các mô hình nuôi tôm tiên tiến đạt năng suất cao, giá thành nuôi thấp đồng thời đảm bảo được tính an toàn sinh học bền vững để việc nuôi tôm thương phẩm ngày càng bền vững và đạt hiệu quả cao.

### - Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:

Đối với môi trường: Công ty đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất được tập trung xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

Đối với xã hội và cộng đồng: Giải quyết việc làm ổn định cho hơn 1.000 lao động địa phương có thu nhập đảm bảo cuộc sống, các chính sách chế độ đối với người lao động đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2012	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	47,05	70,00	67,21%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	4.202	7.000	60,03%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.015	1.400	72,50%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.518	9.000	39,09%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.817	8.100	34,78%
6- Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	213	613	34,75%

+ *Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất năm 2012*

THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ (USD)	TỶ LỆ %
MỸ	13,033,527.23	27,70%
EU	19,376,118.62	41,18%
JAPAN	4,946,589.50	10,51%
KHÁC	9,691,457.77	20,61%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47,047,693.12</b>	<b>100,00</b>

## 2. Tố chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành công ty:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Công		
1	Nguyễn An Ninh	Tổng giám đốc	0	1.783.388	1.783.388	13,49 %	Bổ nhiệm ngày 19/06/2012
2	Bùi Hữu Hiển	Phó Tổng giám đốc	0	402.708	402.708	3,05%	Bổ nhiệm ngày 09/05/2012
3	Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	0	0	0	0%	
4	Lê Minh Hiệu	Tổng giám đốc	3.173.116	58.348	3.231.464	24,44 %	Bãi nhiệm ngày 19/06/2012
5	Nguyễn Tân Đương	Phó Tổng giám đốc	0	21.088	21.088	0,16%	Bãi nhiệm ngày 19/12/2012

❖ Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty, bổ nhiệm ngày 19/05/2012.

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Thành phố Thanh Hóa , tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : số 111 Cao Thắng, Phường 7, Q. Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0913 893 268
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

- + Trước ngày 12/01/2006 là giám đốc Công ty THHH Hải Nam
- + Từ ngày 12/01/2006 đến 19/11/2012 là Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau.
- + Từ ngày 20/11/2012 đến 18/06/2012 là Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau
- + Từ ngày 19/12/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Kiêm Tổng giám đốc công ty.

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Bùi Hữu Hiển – Phó Tổng giám đốc công ty, bổ nhiệm ngày 09/05/2012

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 15/10/1974
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình - Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tô 2, Phường Hoàng Diệu - TP Thái Bình
- Điện thoại liên lạc : 0989 546 686
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1996 đến 2004 Phó phòng kế toán Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh ( Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ năm 2005 đến 2007 Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Bitexco Nam Long ( Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ Năm 2007 đến nay là Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Bitexco Nam Long (Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ 20/11/2011 đến 08/05/2012: Trưởng ban kiểm soát công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
  - + Từ 09/05/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
  - + Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**❖ Ông Nguyễn Trọng Hà – Kế toán trưởng công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 29/06/1974
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 261 Lê Vĩnh Hòa, Phường 8, Tp. Cà Mau
- Điện thoại liên lạc : 0983.400234
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
- Quá trình công tác :
  - + Năm 1999 – 05/2006 : Kế toán tổng hợp XNCB TS Đàm Dơi
  - + Từ 05/2006 – 12/2006 : Kế toán Viettel Cà Mau
  - + Từ 01/2007 – 12/2007 : Trưởng phòng bán hàng Viettel
  - + Từ 01/2008 – 08/2011 : Phó giám đốc KD Viettel Cà Mau
  - + Từ 09/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần CBTS & XNK Cà Mau.
  - Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty cổ phần CBTS & XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**❖ Ông Lê Minh Hiệu - Chủ tịch hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty. Bối nhiệm chức danh Tổng Giám đốc công ty ngày 19/05/2012.**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 02/02/1954

- Nơi sinh : Thành phố Thái Bình – tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : số 102 Phố Quang Trung Phường Trần Hưng Đạo TP Thái Bình
- Điện thoại liên lạc : 0913 291 068
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính
- Quá trình công tác :
  - + Từ năm 1985 đến 1993 làm Giám đốc Công ty TNHH Rạng Đông Thái Bình
  - + Từ năm 1994 đến 2004 làm Tổng giám đốc Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh (Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ năm 2005 đến 2007 làm Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH SXKD XNK Nam Long
  - + Từ năm 2008 đến nay làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bitexco Nam Long.
  - + Từ tháng 11/2011 đến 31/08/2012: Chủ tịch HĐQT công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại : Hiện tại không còn là Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT công ty.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Nguyễn Tân Dương - Thành viên hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc. Bối nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc ngày 19/12/2012.

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 08/10/1974
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cà Mau, Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : số 183 Lý Thường Kiệt, khóm 4, thành phố Cà Mau
- Điện thoại liên lạc : 0903 989 855
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ (Tiếng Anh). Thạc Sỹ Tài Chính Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2006 – 2007 : Giám đốc Công ty TNHH Kiên Cường
  - + Năm 2007 - 2008 : Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần CBTS và xuất khẩu Minh Hải.
  - + 2009 – 2010 : Giám đốc Quan hệ khách hàng khu vực DBSCL Ngân hàng ANZ
  - + Từ tháng 9/2011 đến 19/12/2012 : Phó Tổng Giám đốc Cy cổ phần CBTS & XNK Cà Mau.
  - + Từ 20/11/2012 đến 20/06/2012: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần CBTS & XNK Cà Mau.

Chức vụ hiện tại: Hiện tại không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị, và không còn làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất kinh doanh của công ty.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những thay đổi trong Ban điều hành công ty:

Bối nhiệm Ông Bùi Hữu Hiến làm Phó Tổng giám đốc phụ trách về Tài chính kế toán công ty ngày 09/05/2012. Ông Lê Minh Hiệu không còn giữ chức Tổng giám đốc công ty và bối nhiệm Ông Nguyễn An Ninh làm Tổng Giám đốc công ty ngày 19/06/2012. Miễn nhiệm chức danh Ông Nguyễn Tân Dương, Phó Tổng giám đốc ngày 19/12/2012 .

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

\* Tổng số cán bộ nhân viên đến hết 31/12/2012:

Nhân sự của công ty là 1.152 lao động. Trong đó lao động có trình độ thạc sỹ 02 người, đại học 113 người, cao đẳng 07 người, trung cấp 106 người và bằng nghề 44 người còn lại là lao động phổ thông trực tiếp sản xuất, có tay nghề, thâm niên lâu năm trong ngành thủy sản.

\* Chính sách đối với người lao động:

Là doanh nghiệp sản xuất chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty xác định lao động là nguồn lực quan trọng nhất đến sự phát triển của công ty. Chế độ tiền lương, thưởng được công ty chú trọng xây dựng dựa theo tiêu chí gắn liền với hiệu quả công việc. Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm bằng cách mời các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động. Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

Công ty đặc biệt quan tâm đến tổ chức công đoàn, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Công đoàn công ty hoạt động. Công đoàn công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động và hỗ trợ kịp thời cho người lao động.

### 3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Việc chính phủ duy trì chính sách thắt chặt tín dụng, lạm phát và lãi suất tăng cao, tình hình ngành thủy sản thế giới và Việt Nam đang trong lúc trì trệ, làm cho hầu hết các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh. Từ đó, dẫn đến ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

- Dự án đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất, phát triển mặt hàng GTGT tại XN4 với tổng giá trị dự kiến 10 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư phân xưởng sản xuất mới tại XN5, giá trị khoảng 250 tỷ đồng, đã thực hiện được 67 tỷ đồng,

Cả hai dự án trên, công ty tạm thời ngưng triển khai, khi điều kiện phù hợp, sẽ được tiếp tục để đáp ứng yêu cầu phát triển lâu bền.

### 4.Tình hình tài chính

#### a)Tình hình tài chính

Chỉ tiêu.	Năm 2011	Năm 2012	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản:	895,695,147,955	711,347,303,740	-20.58%
Doanh thu thuần.	1,710,089,871,783	1,014,644,050,863	-40.67%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.	3,975,491,257	5,741,173,911	44.41%
Lợi nhuận khác.	3,370,692,209	(2,223,275,943)	-165.96%
Lợi nhuận trước thuế.	7,346,183,466	3,517,898,048	-52.11%
Lợi nhuận sau thuế.	4,587,928,435	2,817,124,870	-38.60%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức.	0.00%	0.00%	

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

#### b)Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu.	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú.
<i>1.- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
* Hệ số thanh toán ngắn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn.	0.9939	0.9685	
* Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.2330	0.1794	
<i>2.- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
* Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0.8222	0.7729	
* Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:			
<i>3.- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
* Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1.7432	1.8723	
* Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	1.3063	1.4264	
<i>3.- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i>			
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	0.0039	0.0028	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	0.0288	0.0174	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	0.0051	0.0040	
* Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần:	0.0034	0.0057	

5.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 13.221.234 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 13.221.234 Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 13.221.234 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

b. *Cơ cấu cổ đông:*

Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2013 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/04/2013

TT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
	<b>* Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>	
1	Cổ đông lớn	9.303.086	70,36%	
2	Cổ đông nhỏ	3.918.148	29,64%	
	<b>* Cơ cấu theo Tổ chức và cá nhân</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>	
1	Cổ đông là tổ chức	4.544.363	34.37%	
2	Cổ đông là cá nhân	8.676.871	65,63%	
	<b>* Cơ cấu theo cổ đông trong nước và cổ đông ngoài nước, cổ đông nhà nước và cổ đông khác</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>	
1	Cổ đông trong nước	13.207.047	99,89%	
2	Cổ đông ngoài nước	14.187	0.11%	
3	Cổ đông nhà nước	0	0%	
4	Cổ đông khác	0	0%	

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:*

Trong năm 2012 công ty không tăng vốn cổ phần chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu.... thành cổ phần để tăng vốn điều lệ.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.*

e. *Các chứng khoán khác: Không.*

**III- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

1.1. Khả năng sinh lời ,khả năng thanh toán.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	72,19	78,23
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	27,81	21,77
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,29	82,22
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,71	17,78
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,97	0,99
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,18	0,23
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,35	0,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,28	0,39
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,49	0,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,40	0,51
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>			
	%	1,84	2,88

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12

<b>Tài sản</b>	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 31/12/2011</b>
A- Tài sản ngắn hạn	513,495,398,774	700,729,876,982
B- Tài sản dài hạn	197,851,904,966	194,965,270,973
<b>Tổng tài sản</b>	<b>711,347,303,740</b>	<b>895,695,147,955</b>
<b>Nguồn vốn</b>		
A- Nợ phải trả	549,773,771,869	736,479,948,110
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	161,573,531,871	159,215,199,845
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>711,347,303,740</b>	<b>895,695,147,955</b>

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông : Không

1.4. Tổng số cổ phiếu của công ty :

- + Cổ phiếu phổ thông: 13.221.234 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

1.5. Tổng số trái phiếu đang lưu hành : Không

1.6. Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ : Không

1.7. Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn năm 2012: Chưa thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012: ( Đã qua kiểm toán)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THỰC HIỆN		Kế hoạch 2012	% Thực hiện năm 2012 so với	
		Năm 2011	Năm 2012		Cùng kỳ	Kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	56,10	47,05	70,00	83,87%	67,21%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	6.565	4.202	7.000	64,01%	60,03%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.170	1.015	1.400	86,75%	72,50%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,346	3.518	9.000	47,89%	39,09%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,587	2.817	8.100	61,41%	34,78%
6- Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	347	213	613	61,38%	34,75%

3. Những tiến bộ công ty đạt được :

- + Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, BRC, ACC, Global Gap...
- + Bước đầu đã xây dựng được vùng nuôi tôm do công ty đầu tư, từ đó chủ động và quản lý được nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất.
- + Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty.
- + Bộ máy Công ty luôn luôn được sắp xếp tinh gọn và được đào tạo chuyên môn tay nghề cao để đảm bảo tốt nhiệm vụ và công việc được phân công.
- + Công ty không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.
- + Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất.
- + Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.
- + Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển kinh doanh :

\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| - Kim ngạch xuất khẩu  | : 80 triệu USD             |
| - Sản lượng sản xuất   | : 7.020 tấn tôm thành phẩm |
| - Tổng doanh thu thuần | : 1.740 tỷ đồng            |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 55 tỷ đồng               |
| - Lợi nhuận sau thuế   | : 44 tỷ đồng               |

\*Kế hoạch phát triển kinh doanh trung dài hạn:

- Liên hệ các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh.
- Thành lập một công ty con, trong đó công ty chiếm giữ từ 99,50% đến 100,00% vốn điều lệ.
- Tập trung phát triển, thúc đẩy mạnh việc nuôi tôm sinh thái.

**IV. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:**

1.- Về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:

- Trong năm 2012, khi nền kinh tế thế giới vẫn còn tồn tại sự bất ổn, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng nhu cầu chi tiêu suy giảm, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay, lãi suất tín dụng ở mức cao, sự trì trệ sản xuất của các doanh nghiệp... Những yếu tố này đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Camimex nói riêng. Đánh giá trước tình hình khó khăn và dựa trên tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ngay từ đầu năm HDQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm và trình

thực hiện. Kết quả kinh doanh năm 2012 thể hiện sự nỗ lực lớn của công ty trong tình hình hiện nay, dù Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thu mua nguyên liệu, nên các chỉ tiêu kinh doanh đều chưa đạt theo kế hoạch đề ra nhưng cũng đã đáp ứng phần nào yêu cầu cỗ gắng đưa Công ty hoạt động cầm cự, tìm cơ hội mới để bứt phá.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, kiểm soát chất lượng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

## 2.- Về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Tổng giám đốc công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức, điều hành hoạt động, dựa trên các chỉ tiêu định hướng đã được Đại Hội đồng Cổ đông đề ra, tuy nhiên kết quả còn hạn chế, vì vậy Ban Tổng giám đốc cần có nhiều giải pháp đột phá mạnh mẽ và quyết liệt trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, thực hiện và kiện toàn bộ máy, chế độ báo cáo. Hội đồng Quản trị cùng sát cánh với Ban Tổng GĐ để đưa công ty tiếp tục ổn định tổ chức, duy trì sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

## 3.- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

HĐQT công ty tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng chiến lược, định hướng phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tham gia tích cực hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày để Công ty duy trì sự hoạt động thông suốt, bảo đảm các chỉ tiêu kinh doanh đề ra, đưa Công ty vượt qua giai đoạn hết sức khó khăn như hiện nay.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Công		
1	Lê Minh Hiệu	Chủ tịch	3.173.116	58.348	3.231.464	24,44%	Bãi nhiệm ngày 31/08/2012
2	Nguyễn An Ninh	Thành viên	0	1.783.388	1.783.388	13.49%	
3	Bùi Sĩ Tuấn	Thành viên	2.542.833	0	2.542.833	19.23%	Bổ nhiệm ngày 10/10/2012
4	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	0	736.137	736.137	5.57%	
5	Nguyễn Đình Thường	Thành viên	0	0	0	0%	Bổ nhiệm ngày 20/06/2012
6	Vũ Ngọc Lễ	Thành viên	0	1.850.916	1.850.916	14%	Bổ nhiệm ngày 10/10/2012
7	Nguyễn Tân Dương	Thành viên	0	21.088	21.088	0.16%	Bãi nhiệm ngày 20/06/2012
8	Phạm Anh Đức	Thành viên	0	0	0	0%	Bãi nhiệm ngày 10/10/2012

#### ❖ Ông Lê Minh Hiệu - Chủ tịch hội đồng quản trị, bãi nhiệm ngày 31/08/2012.

- Giới tính : Nam - Năm sinh: 02/02/1954
- Nơi sinh : Thành phố Thái Bình – tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : số 102 Phố Quang Trung Phường Trần Hưng Đạo TP Thái Bình
- Điện thoại liên lạc : 0913 291 068
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1985 đến 1993 làm Giám đốc Công ty TNHH Rạng Đông Thái Bình
  - + Từ năm 1994 đến 2004 Làm Tổng giám đốc Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh (Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ năm 2005 đến 2007 làm Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH SXKD XNK Nam Long

- + Từ tháng 11/2011 đến 31/08/2012: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại: Không còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, bãi nhiệm chức danh thành Hội đồng quản trị công ty ngày 10/10/2012.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**❖ Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Thành phố Thanh Hóa , tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : số 111 Cao Thắng, Phường 7, Quận Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0913 893 268
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
  - + Trước ngày 12/01/2006 là giám đốc Công ty THHH Hải Nam
  - + Từ ngày 12/01/2006 đến 19/11/2012 là Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau.
  - + Từ ngày 20/11/2012 đến 18/06/2012 là Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau
  - + Từ ngày 19/12/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Kiêm Tổng giám đốc công ty.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**❖ Ông Bùi Sĩ Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1971
- Nơi sinh : Thị xã Thái Bình – Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 12.02, CC Screc, Phường 12, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0939.936 868
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1996 – năm 2006: Kế toán trưởng Tập đoàn thủy sản Minh Phú.
  - + Từ năm 2006 – 2010: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Tập đoàn thủy sản Minh Phú
  - + Từ năm 2010 – 2011: Giám đốc đầu tư Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
  - + Từ tháng 10/10/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thành viên Hội đồng quản trị công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1985
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 111 Cao Thắng, P.17, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0933.366146
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân thương mại
- Quá trình công tác:
  - + Từ 29/06/2009 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
  - Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc kinh doanh - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Nguyễn Đình Thường – Thành viên Hội đồng quản trị công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1983
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 44, ngõ 282, đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc : 0972.923 886
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Luật sư
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2006 – 2012 : Trưởng nhóm tư vấn – Công ty TNHH Tư vấn doanh nghiệp K và Cộng sự.
  - + Từ 2011 đến nay: Giám đốc Công ty Luật Đại Hà
  - + Từ 20/11/2011 đến nay: Trợ lý về pháp lý cho Chủ tịch HDQT
  - + Từ tháng 06/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị công ty.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Vũ Ngọc Lê – Thành viên Hội đồng quản trị công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1979
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 197/40 đường Thoại Ngọc Hầu - phường Phú Thạnh - Quận Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0938. 938 595
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2003 – 2004 : Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn, chi nhánh Nhập khẩu và xuất

điều độ.

- + Từ năm 2004 – 2006: Công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam
- + Từ năm 2006 – 2011: Giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa
- + Từ tháng 06/2012-10/2012: Trưởng ban kiểm soát Cty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- + Từ tháng 10 /2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Nguyễn Tân Dương - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, bối nhiệm TV HĐQT ngày 20/06/2012.**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 08/10/1974
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cà Mau, Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : số 183 Lý Thường Kiệt, khóm 4, thành phố Cà Mau
- Điện thoại liên lạc : 0903 989 855
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ ( Tiếng Anh). Thạc Sỹ Tài Chính Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2006 – 2007 : Giám đốc Công ty TNHH Kiên Cường
  - + Từ năm 2007 - 2008 : Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất khẩu Minh Hải.
  - + Từ năm 2009 - 2010 Giám đốc Quan hệ khách hàng khu vực DBSCL Ngân hàng ANZ
  - + Từ tháng 9/2011 đến 19/12/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thủy sản Cà Mau.
  - + Từ tháng 11/2011-20/06/2012: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế biến thủy sản Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại: Hiện tại không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị, và không còn làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất kinh doanh của công ty.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Phạm Anh Đức - Thành viên hội đồng quản trị, bối nhiệm ngày 10/10/2012.**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 22/08/1980
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình, Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 33/86 Phố Tô Vĩnh Diện – Thanh Xuân – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0913 300 499
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2002 – 2004 : Làm việc tại Toyota Việt Nam
  - + Năm 2004 – 2006 : Ngân hàng Công thương Việt Nam

- + Năm 2007-2011 : Công ty chứng khoán SSI, Công ty chứng khoán Thăng Long
- + Từ tháng 11/2011 đến 10/2012 : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế biến thủy sản Cà Mau.

- Chức vụ hiện tại: Hiện tại không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty hiện nay chưa có các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, HĐQT có nhiều thay đổi về thành viên, tuy vậy HĐQT vẫn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tích cực chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGĐ thông qua quy chế, nghị quyết, biên bản, tham gia họp trực tiếp với Ban TGĐ.

HĐQT đã ban nhiều nghị quyết, biên bản trong quản lý, điều hành:

- Xây dựng và chuẩn bị tài liệu, nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2012.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã thông qua.
- Ra nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Ban TGĐ thực hiện.
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe Ban TGĐ báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo sâu sát về nhân sự, thu mua nguyên liệu, đàm phán khách hàng...
- Chỉ đạo tiến độ thực hiện đầu tư mua sắm trang thiết bị, đôn đốc thực hiện công tác xây dựng dì dời thiết bị đưa về các XN hợp lý và một số công tác khác.
- Các Biên bản về tái cơ cấu vốn vay, vay vốn tại các tổ chức tài chính và tín dụng.

\* Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Minh Hiệu	Chủ tịch	5/8	62,5%	Bãi nhiệm CT HĐQT ngày 31/08/2012, TV HĐQT ngày 10/10/2012
2	Nguyễn An Ninh	Thành viên	8/8	100%	
3	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	8/8	100%	
4	Nguyễn Tấn Dương	Thành viên	2/8	25%	Bãi nhiệm ngày 20/6/2012
5	Phạm Anh Đức	Thành viên	5/8	62,5%	Bãi nhiệm ngày 10/10/2012
6	Nguyễn Đình Thường	Thành viên	4/8	50%	Bỏ nhiệm ngày 20/06/2012
7	Vũ Ngọc Lễ	Thành viên	3/8	37,5%	Bỏ nhiệm ngày 10/10/2012
8	Bùi Sĩ Tuấn	Thành viên	3/8	37,5%	Bỏ nhiệm ngày 10/10/2012

## \* Nội dung và kết quả các cuộc họp:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	06A/QĐ-CAMIMEX	29/03/2012	Quyết định thành lập Phòng kế hoạch công ty.
2.	07/QĐ-CAMIMEX	29/03/2012	Quyết định thành lập Phòng Kỹ thuật công ty.
3.	06/CAMIMEX/HĐQT-QĐ	09/05/2012	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính kế toán công ty: Bùi Hữu Hiển
4.	09/CAMIMEX/HĐQT-QĐ	19/06/2012	Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty: Nguyễn An Ninh
5.	01/NQĐH.CMX11	20/06/2012	Nghị quyết về việc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2011
6.	10/CAMIMEX/HĐQT-QĐ	30/06/2012	Quyết định về việc phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc.
7.	11/CAMIMEX/HĐQT-QĐ	27/08/2012	Quyết định về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thay thế và thống nhất lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc tổ chức đại hội cổ đông bất thường để thông qua quyết định trên.
8.	03/NQĐH.CMX11	10/10/2012	Nghị quyết V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định chấp thuận bổ nhiệm Ông Bùi Sĩ Tuấn và Ông Vũ Ngọc Lê làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho các Ông Lê Minh Hiệu và Phạm Anh Đức
9.	12/CAMIMEX/HĐQT-QĐ	19/12/2012	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của Ông Nguyễn Tân Dương
10.	13/QĐ.CMX12	31/12/2012	Quyết định V/v Thành lập chi nhánh trực thuộc công ty, Chi nhánh công ty CP CBTS & XNK Cà Mau tại Ấp Càng, Xã Hòa Điền, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

## d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng  
quản trị thường kỳ, tích cực hoạt động, khách quan, hợp tác cùng vị lợi ích của Công ty và các cổ  
đồng.

## e) Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty hiện nay chưa có tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách  
các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2012 gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 thạc sĩ  
và 04 cử nhân, chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

## 2. Ban Kiểm soát

## a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soáat:

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ	Ghi chú
			Số CP đại diện	Số CP Cá nhân sở hữu	Công		
1	Bùi Hữu Hiển	Trưởng ban	-	402.708	402.708	3.05%	Từ nhiệm ngày 08/05/2012.
2	Vũ Ngọc Lê	Trưởng ban	-	1.850.916	1.850.916	14%	Bổ nhiệm ngày 20/06/2012, từ nhiệm ngày 10/10/2012.
3	Chu Bảo Hiệp	Thành viên	-	-	-	-	
4	Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	-	-	-	-	

## ❖ Ông Bùi Hữu Hiển - Trưởng ban kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 15/10/1974
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình - Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, Phường Hoàng Diệu - TP Thái Bình
- Điện thoại liên lạc : 0989 546 686
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1996 đến 2004 Phó phòng kế toán Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh ( Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ năm 2005 đến 2007 Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Bitexco Nam Long ( Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ Năm 2007 đến nay là Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Bitexco Nam Long (Tập đoàn Bitexco)
  - + Từ 20/11/2011 đến 08/05/2012: Trưởng ban kiểm soát công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**❖ Ông Vũ Ngọc Lẽ – Thành viên Hội đồng quản trị công ty**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1979
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 197/40 đường Thoại Ngọc Hầu - phường Phú Thạnh - Quận Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0938. 938 595
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2003 – 2004 : Công tác tại Công ty Tân Cảng Sài Gòn, chức vụ: Nhân viên Kế hoạch điều độ.
  - + Từ năm 2004 – 2006: Công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam
  - + Từ năm 2006 – 2011: Giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa
  - + Từ tháng 06/2012-10/2012: Trưởng ban kiểm soát Cty CP CBTS & XNK Cà Mau.
  - + Từ tháng 10/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Chu Bảo Hiệp - Thành viên ban kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 26/05/1968
- Nơi sinh : TP Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hồ Chí Minh - Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : số 25 đường 8A Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0938.276.399
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản, Cử nhân Kinh tế
- Ngành Quản trị Ngoại thương, Thạc sỹ kinh tế phát triển, nghiên cứu sinh tiến sỹ chuyên ngành kinh tế.
- Quá trình công tác:



- + Từ 1998 đến 2008 Trưởng Văn phòng đại diện TP HCM Công ty Minh Phú Cà Mau
- + Từ 2009 đến 2010 Chuyên viên phân tích Tài chính CN Cty Dầu khí tại TP HCM
- + Từ 2011 đến nay Quyền trưởng VP đại diện TP HCM Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát và Quyền trưởng VP Đại diện Công ty cổ phần chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**❖ Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ - Thành viên ban kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 01/10/1980
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : Xã Thạnh phú, Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên lạc : 0919 109 000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD; .Trung học kế toán doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2000 đến 2002 Nhân viên phòng TCHC & LĐTL Công ty cổ phần chế biến và XNK CADOVIMEX
  - + Năm 2003 đến 2006 Nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần thực phẩm Cà Mau
  - + Năm 2007 đến nay Nhân viên Phòng TCHC & LĐTL Công ty cổ phần chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
  - + Từ tháng 06/2009 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát và Nhân viên Phòng TCHC & LĐTL Công ty cổ phần chế biến thủy sản và XNK Cà Mau.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

\* Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bùi Hữu Hiển	Trưởng ban kiểm soát	2/5	50%	Bắt nhiệm ngày 20/06/2012
2	Vũ Ngọc Lê	Trưởng ban kiểm soát	2/5	50%	Bắt nhiệm ngày 20/06/2012, từ nhiệm ngày 10/10/2012
3	Chu Bảo Hiệp	Thành viên	5/5	100%	
4	Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	5/5	100%	

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị (HĐQT) và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Chủ động đề xuất với HĐQT một số vấn đề liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển của công ty.
- Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên , đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng Luật pháp.

- Tổ chức họp định kỳ của Ban kiểm soát.
- Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát .

\* Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Năm 2012, tiếp tục có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị Công ty.

\* Kiến nghị:

Với mục tiêu phát triển Công ty ổn định và bền vững, Ban kiểm soát có một số kiến nghị chính như sau : Xây dựng, bổ sung điều chỉnh và ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản quản trị Công ty nhằm quản lý chặt chẽ, chủ động thực hiện và công khai giám sát đánh giá hiệu quả .

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- Thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012:

- Hội đồng quản trị :	305.666.667
- Ban kiểm soát :	<u>102.365.591</u>
Tổng :	408.032.258

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Lê Minh Hiệu	Chủ tịch HĐQT	58.348	0.44%	58.348	0.44%
2	Nguyễn An Ninh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	1.783.388	13.49%	1.783.388	13.49%
3	Nguyễn Hoàng Nam	TV HĐQT	736.137	5.57%	736.137	5.57%
4	Phạm Anh Đức	TV HĐQT	2.000	0.02%	2.000	0.02%
5	Nguyễn Tân Dương	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	21.088	0.16%	21.088	0.16%
6	Nguyễn Đình Thường	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
7	Vũ Ngọc Lễ	Trưởng Ban kiểm soát			1.850.916	14%
8	Bùi Sĩ Tuấn	Thành viên HĐQT			-	-
9	Chu Bảo Hiệp	TV Ban kiểm soát	-	-	-	-
10	Nguyễn Hoàng Nghĩ	TV Ban kiểm soát	-	-	-	-
11	Nguyễn Thị Đà	Người công bố thông tin	17.164	0,13%	4	0,00%
12	Bùi Hữu Hiển	Phó Tổng Giám đốc			402.708	3.05%
13	Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	-	-	-	-
14	Cty CP Bitexco Nam Long	Đại diện bởi Ông Lê Minh Hiệu Chủ tịch HĐQT	3.173.116	24%	0	0%
15	Vũ Ngọc Lễ	Trưởng ban KS	0	0%	1.850.916	14%
16	Lê Thị Minh Hiền	Con Ông Lê Minh Hiệu - Chủ tịch HDQT	0	0%	1.322.200	10%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan nhau sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>		
Vay tiền	3.620.000.000	14.258.376.000
Trả tiền vay	(2.028.376.000)	(13.500.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả tiền vay	2.350.000.000	758.376.000

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Ngày 20/11/2011, công ty chuyển đổi hình thức sở hữu sang 100% vốn tư nhân, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành quản lý và cả bộ máy quản lý của công ty đang trong quá trình tái cấu trúc về mọi mặt,. Hiện nay, công tác tái cấu trúc về mặt tài chính, về mặt quản trị vẫn chưa hoàn chỉnh, từ đó dẫn đến chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Hội đồng Quản trị rất trăn trở về điều này, qua nhiều cuộc họp bàn tìm nguyên nhân, thảo luận các giải pháp, kế hoạch khắc phục nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty trình Đại Hội Đồng Cổ ĐÔNG công ty năm 2013 thông qua, dự kiến vào cuối tháng 06/2013..

## VI. Báo cáo tài chính

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến thuỷ sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thuỷ sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000103908 (số cũ lì 6103000065) ngày 12 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 88.815.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 VND lên 93.016.160.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 7 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 VND lên 114.967.970.000 VND.
- Đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 ngày 02 tháng 8 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 8 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 8 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 VND lên 132.212.340.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 6 năm 2012 về việc thay đổi thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần : 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>8.338.622</b>	<b>83.386.220.000</b>	<b>63,07</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín	1.068.197	10.681.970.000	8,08
Công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỳ	2.542.248	25.422.480.000	19,23
Nguyễn An Ninh	1.555.061	15.550.610.000	11,76
Vũ Ngọc Lễ	1.850.916	18.509.160.000	14,00
Lê Thị Minh Hiền	1.322.200	13.222.000.000	10,00
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>4.882.612</b>	<b>48.826.120.000</b>	<b>36,93</b>
	13.221.234	132.212.340.000	100,00

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.  
 Điện thoại : (84-780) 3.831.608  
 Fax : (84-780) 3.832.297  
 E\_mail : camimex@hcm.vnn.vn  
 Website : www.camimexseafood.com.vn  
 Mã số thuế : 2000103908

**Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
5. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	ấp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
6. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần LNT Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
7. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
8. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**Các địa điểm kinh doanh:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
9. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
10. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
11. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

**Công ty con:**

- Tên công ty : Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang
- Địa chỉ: Khu đê bao Đồng Hòa, ấp Cảng, xã Hòa Điện, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Bên cạnh đó, Công ty đã thành lập Công ty con tại Hoa Kỳ theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 195/BKH-ĐTRNN ngày 07 tháng 11 năm 2008 do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

- Tên công ty : Công ty cổ phần thực phẩm CMX (CMX Foods, INC)
- Địa chỉ: Huntington Beach, 360 East Second Street, suite 703 Los Angeles, California 90012, USA
- Vốn đầu tư: USD 850,000 # 14.195.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống người dân.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 16/2012/BBHDQT-CMX ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần thủy sản xuất nhập khẩu Cà Mau, Hội đồng quản trị đã thông nhất giải thể Công ty cổ phần thực phẩm CMX tại Hoa Kỳ kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2012.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Theo Nghị quyết số 01/NQĐH.CMX11 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty cổ phần cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau, lợi nhuận năm 2011 được phân phối như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
1. Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (5%)	229.396.422
2. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	458.792.844
3. Lợi nhuận giữ lại	3.899.739.169
<b>Cộng</b>	<b>4.587.928.435</b>

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Hiệu	Chủ tịch	20 tháng 11 năm 2011	25 tháng 8 năm 2012
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	24 tháng 01 năm 2013	-
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Nguyễn Tân Dương	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	20 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Đình Thường	Thành viên	20 tháng 6 năm 2012	-
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	25 tháng 8 năm 2012
Ông Vũ Ngọc Lẽ	Thành viên	25 tháng 8 năm 2012	-

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Hữu Hiển	Trưởng ban	21 tháng 11 năm 2011	20 tháng 6 năm 2012
Ông Vũ Ngọc Lẽ	Trưởng ban	20 tháng 6 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	30 tháng 6 năm 2009	-
Ông Chu Bảo Hiệp	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-

***Ban điều hành, quản lý***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Hiệu	Tổng Giám đốc	20 tháng 11 năm 2011	19 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	19 tháng 6 năm 2012	-
Ông Nguyễn Tân Dương	Phó Tổng Giám đốc	21 tháng 11 năm 2011	19 tháng 12 năm 2012
Ông Bùi Hữu Hiển	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 5 năm 2012	-
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	21 tháng 11 năm 2011	-

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần chế biến thuỷ sản và xuất nhập khẩu Cà Mau tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

**BÙI SĨ TUẤN**

**Chủ tịch**

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Số: 026CT/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

**Kính gửi:** QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

#### *Giới hạn về phạm vi kiểm toán*

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để xem xét tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như tính hợp lý của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 27.089.466.988 VND.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Cần Thơ**

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>513,495,398,774</b>	<b>700,729,876,982</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>4,203,113,010</b>	<b>15,360,599,416</b>
1. Tiền	111		4,203,113,010	4,360,599,416
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>82,608,460,131</b>	<b>127,703,605,349</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	52,426,888,529	81,422,238,039
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	20,806,427,301	26,112,843,115
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	133 134		- -	- -
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	13,015,308,282	20,235,467,385
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3,640,163,981)	(66,943,190)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>418,402,302,265</b>	<b>536,433,805,997</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	445,491,769,253	563,523,272,985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(27,089,466,988)	(27,089,466,988)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>8,281,523,368</b>	<b>21,231,866,220</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	140,636,899	1,081,340,731
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,383,217,781	15,021,445,976
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	3,726,303,055	3,062,667,893
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1,031,365,633	2,066,411,620

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>197,851,904,966</b>	<b>194,965,270,973</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>196,390,942,330</b>	<b>192,248,370,931</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	120,367,243,599	124,653,567,717
<i>Nguyên giá</i>	222		234,707,297,408	230,480,511,972
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114,340,053,809)	(105,826,944,255)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2,784,363,738	2,931,563,648
<i>Nguyên giá</i>	228		5,419,613,542	5,011,413,542
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,635,249,804)	(2,079,849,894)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	73,239,334,993	64,663,239,566
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-

## BÁO CÁO THUỜNG NIÊN

32

V.	Tài sản dài hạn khác	260	1,460,962,636	2,716,900,042
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14 1,308,095,351	2,410,905,326
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15 20,496,085	173,623,516
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16 132,371,200	132,371,200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>	<b>711,347,303,740</b>	<b>895,695,147,955</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		300		<b>549,773,771,869</b>	<b>736,479,948,110</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		310		<b>530,196,713,036</b>	<b>705,022,889,277</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	442,106,869,627	635,423,499,108
2. Phải trả người bán		312	V.18	55,649,437,574	32,476,805,173
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	49,961,729	2,036,510,663
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	289,822,004	1,312,388,831
5. Phải trả người lao động		315	V.21	3,764,699,330	5,311,353,122
6. Chi phí phải trả		316	V.22	1,668,886,416	2,724,697,230
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	25,777,368,997	24,907,428,196
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	889,667,359	830,206,954
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327			
<b>II. Nợ dài hạn</b>		330		<b>19,577,058,833</b>	<b>31,457,058,833</b>
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.25	19,577,058,833	31,457,058,833
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-

8.	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>161,573,531,871</b>	<b>159,215,199,845</b>		
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>161,573,531,871</b>	<b>159,215,199,845</b>		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	132,212,340,000	132,212,340,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	1,713,511,349	1,484,114,927	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	27,647,680,522	25,518,744,918	
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-	
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>				
1. Nguồn kinh phí	432		-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>711,347,303,740</b>	<b>895,695,147,955</b>		

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-

## 5. Ngoại tệ các loại:

Dollar Mỹ (USD)	28,325.27	56,299.92
Euro (EUR)	19.66	19.66
Dollar Úc (AUS)	-	-
Yên Nhật (JPN)	37,000.00	37,000.00

## 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2013

---

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

---

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

---

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc

Trang 1/1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuý ết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,035,907,062,808	1,277,727,396,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	21,263,011,945	107,637,525,184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,014,644,050,863	1,170,089,871,783
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	893,852,250,114	1,030,059,971,396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120,791,800,749	140,029,900,387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,313,503,385	53,353,690,643
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57,938,890,661	101,442,338,444
Trong đó: chi phí lãi vay	23		55,786,035,065	77,136,724,134
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	40,888,809,855	65,481,823,432
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	20,536,429,627	22,483,937,897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,741,173,991	3,975,491,257
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,617,397,084	5,827,592,611
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,840,673,027	2,456,900,402
13. Lợi nhuận khác	40		(2,223,275,943)	3,370,692,209
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,517,898,048	7,346,183,466
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	547,645,747	2,548,891,262
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	153,127,431	209,363,769
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,817,124,870	4,587,928,435
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	213	347

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIẾU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>3,517,898,048</b>	<b>7,346,183,466</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	14,123,113,261	13,686,267,633
- Các khoản dự phòng	03		3,573,220,791	66,943,190
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(251,516,943)	2,113,768,064
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		165,429,300	(2,403,853,583)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	55,786,035,065	77,136,724,134
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<b>76,914,179,522</b>	<b>97,946,032,904</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54,432,614,567	89,450,134,889
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		118,031,503,732	108,920,749,614
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		18,950,594,498	(29,652,449,788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,043,513,807	(2,228,626,686)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(56,032,834,772)	(78,495,304,654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(1,624,361,934)	(1,102,395,690)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	57,820,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(649,332,439)	(7,344,150,243)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>212,065,876,981</b>	<b>177,551,810,346</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,12,13	(20,010,099,979)	(82,573,012,058)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	573,545,455	181,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(148,521,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	164,641,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,138,731,675	3,227,806,611
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<b>(18,297,822,849)</b>	<b>(63,043,387,265)</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	2,116,203,381,384	3,068,335,092,931
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(2,321,106,119,966)	(3,175,195,724,421)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22,801,956)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(204,925,540,538)</i>	<i>(106,860,631,490)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(11,157,486,406)</i>	<i>7,647,791,591</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>15,360,599,416</i>	<i>7,663,253,688</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	49,554,137
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<i>4,203,113,010</i>	<i>15,360,599,416</i>

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2013

Lữ Hồng Lam  
 Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
 Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
 Tổng Giám đốc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 1.152 nhân viên đang làm việc (Cuối năm trước là 1.486 nhân viên).
5. **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**  
Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 16/2012/BBHĐQT-CMX ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần thủy sản xuất nhập khẩu Cà Mau, Hội đồng quản trị đã thống nhất giải thể Công ty cổ phần thực phẩm CMX tại Hoa Kỳ kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2012.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## 2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

## 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

## 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

## 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 9. Chi phí trả trước dài hạn

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

## 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## 11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

## 12. Nguồn vốn kinh doanh

### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

## 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

## 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế là thu nhập có tính chất lợi nhuận kinh doanh là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tam thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày : 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
31/12/2012 : 20.811 VND/USD

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 18. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phần bù của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

#### **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

##### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.784.507	60.114.838
Tiền gửi ngân hàng	4.189.328.503	4.300.484.578
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP</i>		
<i>Xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Tây đô</i>	-	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.203.113.010</b>	<b>15.360.599.416</b>

##### **2. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Khách hàng trong nước</i>	<b>3.436.396.566</b>	<b>9.793.436.166</b>
Công ty TNHH Thủy sản Anh Tuấn	73.077.480	-
Công ty TNHH thương mại Thái Minh Hưng	-	1.548.258.380
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	2.517.286.743	5.596.313.669
Công ty liên doanh hóa sinh Phương Duy	-	460.526.010
	846.022.212	2.188.338.107

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Khách hàng nước ngoài</b>		
MAZZETTA	10.275.022.197	10.283.909.770
OCEANIA SEA PRODUCTS PTY LTD	3.214.104.500	-
COOP, BASEL	4.498.288.351	-
AZ GEMS INC	-	4.007.307.200
CANCUN PRODUCTS LTD	2.400.533.388	-
AL-REDA FISH CO		2.855.414.660
TAI FOONG USA, INC.,	2.380.143.750	-
DAIHO CORPORATION	2.084.947.241	-
NORDIC SEAFOOD	-	2.249.736.420
MARUHA NICHIRO SEAFOODS, INC	-	3.247.085.200
RICLAND ENTERPRISES P/L	1.493.949.900	3.909.936.300
SA ANGELINI	-	3.347.892.720
THALASSA SEAFOODS NV	3.116.447.332	-
LANDAUER LIMITED	-	1.427.801.056
NATIONAL FISH AND SEAFOOD INC.,	-	2.774.289.600
SCHNEIDER FINE FOOD GMBH	-	4.061.460.000
TIVTAAM HACARMEL INDUSTRIES	-	4.043.131.360
OCEAN BISTRO CORPORATION	13.834.534.406	14.343.681.244
HANWA AMERICAN CORPORATION	-	2.669.316.480
Các khách hàng nước ngoài khác	<u>5.692.520.898</u>	<u>12.407.839.863</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>52.426.888.529</u></b>	<b><u>81.422.238.039</u></b>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

### 3. Trả trước cho người bán

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Cà Mau	13.140.429.300	13.140.429.300
Công ty cổ phần xây lắp điện Cà Mau	-	1.448.600.000
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Á Châu	628.757.406	-
Công ty TNHH xây dựng Tân Việt Cường	-	1.409.500.000
Công ty cổ phần Thiên Hoàng Việt	2.476.500.659	243.952.417
Hiệp hội chế biến & xuất khẩu thủy sản Việt Nam	15.199.288	291.799.288
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Dân Cường	-	1.485.900.000
Công ty TNHH xây dựng và kết cấu thép Trường Phú	-	2.479.704.918
Phu Thai Trading Pte.,Ltd	-	2.886.520.000
Trung tâm xúc tiến thương mại Cà Mau	456.807.800	957.484.570
Công ty cổ phần xây lắp điện công nghiệp và dân dụng Thành Phát	-	787.100.000
Các nhà cung cấp khác	<u>2.788.732.848</u>	<u>981.852.622</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>20.806.427.301</u></b>	<b><u>26.112.843.115</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, tiền vay phải thu	-	133.291.111
Bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	29.392.748	29.392.748
Chi hộ Công ty TNHH một thành viên Camimex-Kiên Giang	6.494.094.542	4.162.064.815
Chi hộ Ban quản lý Dự án xử lý nước thải	109.786.543	109.340.663
Khu nuôi tôm sinh thái Camimex NT184	761.441.480	481.392.077
Phải thu chi phí đền bù, giải tỏa của Dự án Nhà máy cá ở Hậu Giang	-	9.501.720.000
Phạm Anh Đức	5.050.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	570.592.969	818.265.971
<b>Cộng</b>	<b>13.015.308.282</b>	<b>20.235.467.385</b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(3.640.163.981)	(66.943.190)
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	(3.082.506.659)	-
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(490.714.132)	-
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(66.943.190)	(66.943.190)
<b>Cộng</b>	<b>(3.640.163.981)</b>	<b>(66.943.190)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(66.943.190)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.573.220.791)	(66.943.190)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.640.163.981)</b>	<b>(66.943.190)</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.555.237.273	12.975.941.837
Công cụ, dụng cụ	2.871.320.654	1.218.499.443
Thành phẩm (*)	431.052.355.070	549.314.238.357
Hàng hóa	12.856.256	14.593.348
<b>Cộng</b>	<b>445.491.769.253</b>	<b>563.523.272.985</b>

(\*) Thành phẩm tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

#### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thành lập Công ty con	-	397.132.731
Chi phí luật sư vụ kiện tôm	-	630.630.000
Chi phí công cụ dụng cụ	58.369.491	40.078.000
Chi phí thuê nhà	42.000.000	13.500.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khác	40.267.408	-
Cộng	<b>140.636.899</b>	<b>1.081.340.731</b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thửa	3.207.429.804	2.130.713.617
Thuế nhập khẩu tạm nộp	518.873.251	931.954.276
Cộng	<b>3.726.303.055</b>	<b>3.062.667.893</b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	649.596.495	1.122.561.696
Tài sản thiêu chờ xử lý	381.769.138	943.849.924
Cộng	<b>1.031.365.633</b>	<b>2.066.411.620</b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1 đính kèm.

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 86.294.333.391 VND và 46.704.887.617 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.011.413.542	-	5.011.413.542
Tăng trong năm	-	408.200.000	408.200.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.011.413.542</b>	<b>408.200.000</b>	<b>5.419.613.542</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.079.849.894	-	2.079.849.894
Khấu hao trong năm	485.418.728	69.981.182	555.399.910
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.565.268.622</b>	<b>69.981.182</b>	<b>2.635.249.804</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.931.563.648	-	2.931.563.648
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.446.144.920</b>	<b>338.218.818</b>	<b>2.784.363.738</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	9.346.943.715	130.311.637	(130.311.637)	9.346.943.715
- Dự án nuôi tôm ở Kien Giang	9.298.118.547	-	-	9.298.118.547
- Chi phí khác	48.825.168	130.311.637	(130.311.637)	48.825.168
XDCB dở dang	55.316.295.851	15.637.731.427	(7.061.636.000)	63.892.391.278
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn - Xí nghiệp 5	53.011.261.608	13.215.991.427	(7.061.636.000)	59.165.617.035
- Hệ thống điện dự án	1.700.182.242	2.421.740.000	-	4.129.922.243

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
- Khu nhà ở nuôi tôm	<u>596.852.000</u>	-	-	<u>596.852.000</u>
Cộng	<u>64.663.239.566</u>	<u>15.768.043.064</u>	<u>(7.191.947.637)</u>	<u>73.239.334.993</u>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.901.738.656	-	(1.901.738.656)	-
Chi phí thuê đất	509.166.670	-	(129.999.996)	379.166.674
Chi phí luật sư, khác	-	1.055.285.194	(126.356.517)	928.928.677
Cộng	<u>2.410.905.326</u>	<u>1.055.285.194</u>	<u>(2.158.095.169)</u>	<u>1.308.095.351</u>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	173.623.516
Số phát sinh trong năm	-
Số hoàn nhập trong năm	<u>(153.127.431)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>20.496.085</u></b>

**16. Tài sản dài hạn khác**

Khoản ký quỹ, ký cọc dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

**Vay ngắn hạn ngân hàng**

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Chi nhánh Cà Mau (a)

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín -

Chi nhánh Cà Mau (b)

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Nam - Chi nhánh Cà Mau (c)

Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt

Nam - Chi nhánh Tây Đô

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cà  
Mau (d)

Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi  
nhánh Cà Mau (e)

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh  
Cà Mau

Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam -  
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (f)

Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh  
Bạc Liêu (g)

**Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (h)**

**Vay dài hạn đến hạn trả**

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>411.657.131.543</b>	<b>608.193.953.296</b>
232.442.328.668	242.683.306.556
48.963.849.000	118.751.216.000
14.964.224.581	25.451.816.000
-	<b>46.578.801.940</b>
12.344.492.000	11.203.000.000
17.189.060.000	49.752.276.000
-	<b>30.233.924.800</b>
62.550.027.294	-
23.203.150.000	83.539.612.000
<b>5.493.987.914</b>	<b>2.258.376.000</b>
<b>24.955.750.170</b>	<b>24.971.169.812</b>
442.106.869.627	635.423.499.108

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 53.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản theo Hợp đồng số 122011CTYCPACAMIMEX/HĐTC ngày 28/12/2011.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau với hạn mức USD 6.000.000 để bổ sung vốn lưu động và tài trợ xuất khẩu thủy sản. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp hàng tồn kho trị giá 150.000.000.000 VND.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 45.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.000.000.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với hạn mức USD 15.000.000 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu với hạn mức USD 3.000.000 để tài trợ xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu luân chuyển.
- (h) Khoản vay cá nhân Ông Bùi Hữu Hiển 2.350.000.000 VND và Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn 3.143.987.914 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn 06 tháng.

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:*

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	608.193.953.296	2.093.459.160.884	(2.289.712.766.818)	(283.215.819)	411.657.131.543
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân	2.258.376.000	22.744.220.500	(19.508.608.586)	-	5.493.987.914
Vay dài hạn đến hạn trả	24.971.169.812	11.880.000.000	(11.884.744.562)	(10.675.080)	24.955.750.170
Cộng	<b>635.423.499.108</b>	<b>2.128.083.381.384</b>	<b>(2.321.106.119.966)</b>	<b>(293.890.899)</b>	<b>442.106.869.627</b>

### 18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Thanh An	396.183.504	1.375.536.134
DNTN thủy sản Quang Trưởng	967.034.302	-
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hiển	3.055.297.376	1.051.763.444
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tô Thanh Hiền	2.117.645.482	1.488.648.219
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Thịnh Khang	500.947.117	621.569.872
Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn	3.274.043.734	3.115.996.497
DNTN Kiều Diễm	649.526.235	838.718.725
Công ty TNHH MTV thu mua cung ứng thủy sản Huy Hoàng	3.170.197.823	27.545.155
Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú	56.180.801	1.031.363.269
Cơ sở kinh doanh Lữ Quốc Trung	-	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hải Tùng	3.765.087.438	162.239.759
DNTN Minh Hư	-	3.473.714.054

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ sở kinh doanh Quách Văn Mãi	-	-
DNTN 9 Báp	1.029.016.223	964.098.643
Công ty TNHH thủy sản Trường Hạnh	1.174.365.274	587.431.894
DNTN Ngọc Quý	-	1.750.516.553
Công ty TNHH APL – NOL Việt Nam	-	422.441.280
Công ty Liên doanh bột Quốc Tế	635.166.400	315.582.850
Xí nghiệp In và bao bì Duy Nhật	806.416.820	1.433.636.259
DNTN Ngụy Minh Hiếu	3.471.315.580	936.842.389
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tân Thuận Thành	1.783.755.490	1.098.317.550
Công ty TNHH MTV vận tải Ngân Vỹ Dương	810.446.663	-
DNTN Trần Văn Tiên	-	3.059.276.996
Các nhà cung cấp khác	27.986.811.312	8.721.565.631
<b>Cộng</b>	<b>55.649.437.574</b>	<b>32.476.805.173</b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
BLUE HORIZONS F.Z.E	-	453.790.050
DUONG VY IMPORT AND EXPORT GMBH		
GERMANY	30.900.213	30.900.213
S.ISHIMITSUAND CO., LTD	-	1.546.096.598
Các khách hàng khác	19.061.516	5.723.802
<b>Cộng</b>	<b>49.961.729</b>	<b>2.036.510.663</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.795.875.423	(1.795.875.423)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(931.954.276)	832.587.821	(419.506.796)	(518.873.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.130.713.617)	547.645.747	(1.624.361.934)	(3.207.429.804)
Thuế thu nhập cá nhân	1.249.280.074	826.606.224	(1.786.064.294)	289.822.004
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	63.108.757	382.867.776	(445.976.533)	-
Các loại thuế, phí khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.750.279.062)</b>	<b>4.394.582.991</b>	<b>(6.080.784.980)</b>	<b>(3.436.481.051)</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.9).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thuỷ sản xuất khẩu 0%
- Hàng thuỷ sản đã qua sơ chế bán trong nước 5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước 10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do Công ty có sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực thủy sản.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.517.898.048	7.346.183.466
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.984.103.188	2.849.381.582
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(869.117.578)</u>	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.632.883.658	10.195.565.048
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%)	4.780.973.150 (20.496.703.154)	
- Thu nhập khác (thuế suất 25%)	<u>851.910.508</u>	<u>30.692.268.202</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1.169.172.257</b>	<b>2.548.891.262</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(621.526.510)</b>	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>547.645.747</b>	<b>2.548.891.262</b>

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **21. Phải trả người lao động**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền lương	3.562.199.627	4.907.677.840
Các khoản khác	202.499.703	403.675.282
<b>Cộng</b>	<b>3.764.699.330</b>	<b>5.311.353.122</b>

#### **22. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay	1.608.779.945	1.855.579.652
Trích trước chi phí kiểm nghiệm, lưu kho	21.772.379	604.977.644
Trích trước chi phí giao dịch, công tác	-	132.443.752
Chi phí khác	38.334.092	131.696.182
<b>Cộng</b>	<b>1.668.886.416</b>	<b>2.724.697.230</b>

#### **23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.417.201.684	1.656.854.068
Kinh phí công đoàn	3.182.373.425	3.813.924.433
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	750.000.000	1.000.000.000
Cỗ tức, lợi nhuận phải trả	10.910.496.693	10.933.298.649
Nhóm quản lý nhất triển nuôi tôm sinh thái	5.248.542.560	5.481.900.146

Tài sản thừa chờ xử lý	603.542.270	696.660.765
Kinh phí hoạt động của Đảng	162.689.374	205.672.374
Phải trả khác	502.522.991	1.119.117.761
<b>Cộng</b>	<b>25.777.368.997</b>	<b>24.907.428.196</b>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	122.576.136	229.396.422	-	351.972.558
Quỹ phúc lợi	205.803.967	229.396.422	(399.332.439)	35.867.950
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	107.025.472	-	-	107.025.472
<b>Cộng</b>	<b>830.206.954</b>	<b>458.792.844</b>	<b>(399.332.439)</b>	<b>889.667.359</b>

**25. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (a)	12.577.570.303	20.457.570.303
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (b)	6.999.488.530	10.999.488.530
<b>Cộng</b>	<b>19.577.058.833</b>	<b>31.457.058.833</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 18.000.000.000 VND để đầu tư mua sắm 09 máy phân cỡ tôm, khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuông	Từ 01 năm đến 05 năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	20.457.570.303	7.880.000.000	12.577.570.303
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	10.999.488.530	4.000.000.000	6.999.488.530
<b>Cộng</b>	<b>31.457.058.833</b>	<b>11.880.000.000</b>	<b>19.577.058.833</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:**

Số đầu năm	31.457.058.833
Số tiền vay phát sinh trong năm	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(11.880.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.577.058.833</b>

**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 2 đính kèm.

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.221.234</i>	<i>13.221.234</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.221.234</i>	<i>13.221.234</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	<b>1.035.907.062.808</b>	<b>1.277.727.396.967</b>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.033.961.932.318	1.274.480.660.122
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	<b>1.945.130.490</b>	<b>3.246.736.845</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(21.263.011.945)	(107.637.525.184)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(3.457.590.971)	(1.825.559.946)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<b>(17.805.420.974)</b>	<b>(105.811.965.238)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.014.644.050.863</b>	<b>1.170.089.871.783</b>
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<b>1.012.698.920.373</b>	<b>1.166.843.134.938</b>
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	<b>1.945.130.490</b>	<b>3.246.736.845</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	<b>893.852.250.114</b>	<b>1.030.059.971.396</b>
<b>Cộng</b>	<b>893.852.250.114</b>	<b>1.030.059.971.396</b>

(\*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.328.079.275.851	1.661.850.554.341
Chi nhân công trực tiếp	37.837.263.875	41.493.958.683
Chi phí sản xuất chung	<b>98.080.560.822</b>	<b>114.269.496.703</b>
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>1.463.997.100.548</b>	<b>1.817.614.009.727</b>

Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang  
**Tổng giá thành sản xuất**  
 Chênh lệch thành phẩm tồn kho  
 Cộng: Thành phẩm nhập khẩu  
 Trừ: Thành phẩm xuất khẩu  
 Giá vốn tôm sinh thái  
**Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
-	-
<b>1.463.997.100.548</b>	<b>1.817.614.009.727</b>
118.261.883.287	109.840.458.256
162.480.919.337	16.072.409.882
(860.194.848.942)	(931.162.860.105)
9.307.195.884	17.695.953.636
<b>893.852.250.114</b>	<b>1.030.059.971.396</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn  
 Lãi tiền gửi có kỳ hạn  
 Lãi bán ngoại tệ  
 Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện  
 Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện  
 Lãi cho vay  
**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
42.486.895	138.113.707
1.005.440.564	3.001.567.721
229.357.000	3.576.576.673
2.784.701.983	46.625.569.208
251.516.943	-
-	11.863.334
<b>4.313.503.385</b>	<b>53.353.690.643</b>

### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay  
 Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện  
 Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện  
**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
55.786.035.065	77.136.724.134
2.152.855.596	22.191.846.246
-	2.113.768.064
<b>57.938.890.661</b>	<b>101.442.338.444</b>

### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên  
 Chi phí vật liệu, bao bì  
 Chi phí dụng cụ, đồ dùng  
 Chi phí khấu hao tài sản cố định  
 Chi phí dịch vụ mua ngoài  
 Chi phí khác  
**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
2.055.265.003	3.455.662.506
63.032.860	721.097.073
137.255.776	347.969.330
820.813.382	493.581.804
23.517.175.512	40.408.188.456
14.295.267.322	20.055.324.263
<b>40.888.809.855</b>	<b>65.481.823.432</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên quản lý  
 Chi phí vật liệu quản lý  
 Chi phí đồ dùng văn phòng  
 Chi phí khấu hao tài sản cố định  
 Thuế, phí và lệ phí  
 Chi phí dự phòng, trợ cấp mất việc làm  
 Chi phí dịch vụ mua ngoài  
 Chi phí khác  
**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
10.404.663.865	10.426.094.156
122.499.477	36.266.445
338.144.292	547.342.682
1.020.804.082	263.133.741
374.568.606	374.769.594
3.855.924.710	1.462.731.278
411.625.152	255.292.285
4.008.199.443	9.118.307.716
<b>20.536.429.627</b>	<b>22.483.937.897</b>

### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	573.545.455	181.818.182
Thu tiền nhà xe, căn tin	-	239.885.849
Thu nhượng bán phé liệu	96.323.408	1.351.992.132
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê	-	1.087.820.363
Thu nhập khác	947.528.221	2.966.076.085
<b>Cộng</b>	<b>1.617.397.084</b>	<b>5.827.592.611</b>

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.744.415.319	791.395.655
Tiền thuê đất, phân bổ chi phí các năm trước	397.132.791	414.632.731
Thuế phạt, bị truy thu	256.485.045	156.007.299
Chi phí khác	1.442.639.872	1.094.864.717
<b>Cộng</b>	<b>3.840.673.027</b>	<b>2.456.900.402</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.817.124.870	4.587.928.435
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.817.124.870	4.587.928.435
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	13.221.234	13.221.234
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>213</b>	<b>347</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.221.234	11.496.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	1.724.437
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>13.221.234</b>	<b>13.221.234</b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.384.890.019.445	1.722.457.073.265
Chi phí nhân công	65.548.446.371	71.095.737.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.123.113.261	13.686.267.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.269.618.422	133.628.684.613
Chi phí khác	26.083.685.956	66.154.346.938
<b>Cộng</b>	<b>1.585.049.048.122</b>	<b>2.007.022.109.500</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 2. Giao dịch với các bên liên quan

### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Vay tiền	3.620.000.000	14.258.376.000
Trả tiền vay	(2.028.376.000)	(13.500.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Phải trả tiền vay	2.350.000.000	758.376.000
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>2.350.000.000</b>	<b>758.376.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương, thưởng	1.145.620.531	1.538.812.166
Phụ cấp, thù lao	408.032.258	394.933.334
<b>Công</b>	<b>1.553.652.789</b>	<b>1.933.745.500</b>

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang	
Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm CMX	Công ty con

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang</b>		
Chi đầu tư cho dự án	9.368.155.583	13.504.172.525
Kết chuyển hạng mục dự án xây dựng hoàn thành	-	(6.996.614.345)
Kết chuyển tôm nguyên liệu	(3.186.753.298)	(2.345.493.365)
Thu hồi khoản đầu tư	3.849.372.558	-

### **Công ty Cổ phần Thực phẩm CMX**

Chi hộ chi phí	-	79.591.771
Kết chuyển vào chi phí	(397.132.731)	(476.724.502)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang</b>		
Phải thu tiền đầu tư cho dự án	6.494.094.542	4.162.064.815

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền chi hộ	-	397.132.731
Cộng nợ phải thu	<u>6.494.094.542</u>	<u>4.559.197.546</u>

### 3. Thông tin về bộ phận

#### Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mặt hàng thủy sản.

#### Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý:

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Công
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.540.119.530	962.103.931.333	1.014.644.050.863
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>52.540.119.530</b>	<b>962.103.931.333</b>	<b>1.014.644.050.863</b>
Chi phí theo bộ phận	46.285.299.779	847.566.950.335	893.852.250.114
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.254.819.751	114.536.980.998	120.791.800.749
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(61.425.239.482)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			59.366.561.267
Doanh thu hoạt động tài chính			4.313.503.385
Chi phí tài chính			(57.938.890.661)
Thu nhập khác			1.617.397.084
Chi phí khác			(3.840.673.027)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(547.645.747)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(153.127.431)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>2.817.124.870</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>21.065.385.173</b>		<b>21.065.385.173</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>15.665.801.354</b>		<b>15.665.801.354</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số cuối năm	Nội địa	Xuất khẩu	Công
Tài sản trực tiếp của bộ phận	711.347.303.740		711.347.303.740
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>			<b>711.347.303.740</b>

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	549.773.771.869	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>549.773.771.869</b>

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

##### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.203.113.010	-	-	-	4.203.113.010
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	41.158.332.609	-	-	11.268.555.920	52.426.888.529
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	8.042.841.751	-	5.050.000.000	54.837.731	13.147.679.482
<b>Cộng</b>	<b>53.404.287.370</b>	<b>-</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>11.323.393.651</b>	<b>69.777.681.021</b>

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Công
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.360.599.416	-	-	-	15.360.599.416
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	81.410.132.580	-	-	12.105.459	81.422.238.039
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	20.313.000.854	-	-	54.837.731	20.367.838.585
<b>Công</b>	<b>117.083.732.850</b>			<b>66.943.190</b>	<b>117.150.676.040</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Công
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	55.649.437.574	-	-	55.649.437.574
Vay và nợ	442.117.544.707	19.566.383.753	-	461.683.928.460
Các khoản phải trả khác	19.243.138.034	-	-	19.243.138.034
<b>Công</b>	<b>517.010.120.315</b>	<b>19.566.383.753</b>	-	<b>536.576.504.068</b>

### Số đầu năm

Phải trả người bán	32.476.805.173	-	-	32.476.805.173
Vay và nợ	635.423.499.108	31.457.058.833	-	666.880.557.941
Các khoản phải trả khác	26.776.039.282	-	-	26.776.039.282
<b>Công</b>	<b>694.676.343.563</b>	<b>31.457.058.833</b>	-	<b>726.133.402.396</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại

đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.325,27	19,66	56.299,92	19,66
Phải thu khách hàng	2.354.180,23	-	3.439.062,89	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ			(15.793.655,0)	
	(16.129.684,19)	-	0)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(13.747.178,69)</b>	<b>19,66</b>	<b>(12.298.292,19)</b>	<b>19,66</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
<b>Năm nay</b>		
+ 2%		7.705.143.593
- 2%		(7.705.143.593)
<b>Năm trước</b>		
+ 2%		8.035.033.259
- 2%		(8.035.033.259)

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro về giá nguyên liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đã

**Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 52.426.888.529 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 81.422.238.039VND).

*Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2012.

**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị hợp lý		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.203.113.010		- 15.360.599.416		- 4.203.113.010	15.360.599.416
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	52.426.888.529	(3.585.326.250)	81.422.238.039	(12.105.459)	48.841.562.279	81.410.132.580
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	13.147.679.482	(54.837.731)	20.367.838.585	(54.837.731)	13.092.841.751	20.313.000.854
Cộng			117.150.676.04			
	<b>69.777.681.021</b>	<b>(3.640.163.981)</b>	<b>0</b>	<b>(66.943.190)</b>	<b>66.137.517.040</b>	<b>117.083.732.850</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả người bán	55.649.437.574	32.476.805.173	55.649.437.574	32.476.805.173	
Vay và nợ	461.683.928.460	666.880.557.941	461.683.928.460	666.880.557.941	
Các khoản phải trả khác	19.243.138.034	26.776.039.282	19.243.138.034	26.776.039.282	
Cộng	<b>536.576.504.068</b>	<b>726.133.402.396</b>	<b>536.576.504.068</b>	<b>726.133.402.396</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải trả khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ý thức có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2013

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc

ĐO CÁO THƯỜNG NIÊN

62

ÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU  
Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

ÁO CÁO TÀI CHÍNH  
hợp đồng tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

hụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VNĐ
guyễn giá ó dầu năm ăng trong năm tua sảm mới đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành hân loại lại hành lý, nhượng bán ó cuối năm rong đó:					Cộng
59,650,824,513 1,860,064,926 1,949,056,118 - (88,991,192) (542,249,328)	153,170,329,602 8,273,307,096 1,211,671,096 7,061,636,000 31,628,182 (140,000,000)	6,378,512,651 714,757,883 683,129,701 - - (168,785,428)	2,432,426,836 120,311,637 - 120,311,637 - (168,785,428)	8,848,418,370 57,363,010 - - 57,363,010 (6,799,019,116)	230,480,511,972 11,025,804,552 3,843,856,915 7,181,947,637 - 234,707,297,408
<i>nhung vân còn sur ng ia trị hao mòn ó dầu năm hầu hao trong năm iảm trong năm hanh lý, nhượng bán ó cuối năm ia trị còn lại ó đầu năm ó cuối năm rong đó: ạm thời chưa sử dụng ang chờ thanh lý</i>	<i>7,338,151,639 15,204,079,317 93,584,060 1,444,845,641 583,885,238 24,664,545,895 31,388,497,493 2,521,160,779 (199,980,839) (199,980,839) 33,709,677,433 28,262,327,020 27,258,962,678 - -</i>	<i>69,635,891,125 9,405,312,211 (4,545,837,530) (4,545,837,530) 74,495,365,806 83,534,438,477 5,099,548,891 553,570,360 5,187,957,783 - -</i>	<i>1,278,963,760 626,348,991 (140,000,000) (168,785,428) 1,765,312,751 758,567,021 6,998,686,308 6,366,466,246 120,367,243,599</i>	<i>1,673,859,815 325,308,298 (168,785,428) - 1,830,382,685 114,340,053,809 124,653,567,717 -</i>	<i>1,849,732,062 689,583,072 - - 2,539,315,134 105,826,944,255 13,567,713,351 (5,054,603,797) (5,054,603,797)</i>

Cà Mau, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Lê Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng giám đốc

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

63

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNI

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	114,967,970,000	1,484,114,927	-	38,175,186,483
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4,587,928,435
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	-
Chia cổ tức tăng vốn trong năm trước	17,244,370,000	-	(17,244,370,000)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>132,212,340,000</b>	<b>1,484,114,927</b>	<b>25,518,744,918</b>	<b>159,215,199,845</b>
Số dư đầu năm nay	132,212,340,000	1,484,114,927	-	25,518,744,918
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	2,817,124,870
Trích lập các quỹ trong năm	-	229,396,422	(688,189,266)	(458,792,844)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>132,212,340,000</b>	<b>1,713,511,349</b>	<b>27,647,680,522</b>	<b>161,573,531,871</b>

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2013

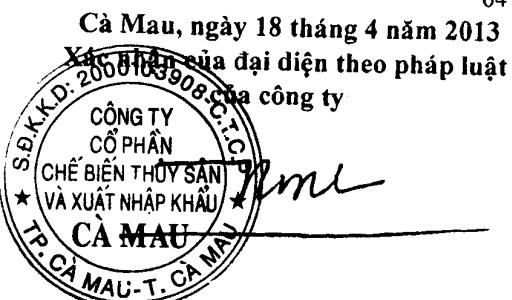
Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

64



*Nguyễn An Ninh*

)